

Bản án số: 484/2020/DS-ST

Ngày: 03-12-2020

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Năm

Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 tháng 11 và ngày 03 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 551/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 203/2020/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1975 (*vắng mặt*)

Trú tại: C4/18 Ấp 4 xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đoàn Thanh T (*có mặt*); Luật sư của Công ty Luật TNHH Sài Gòn Hoàng Gia, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: 1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1968 (*vắng mặt*)

2/ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1966 (*vắng mặt*)

Cùng trú tại: Số 47, đường CL, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2018 cùng các lời khai và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X thể hiện như sau:

Bà X với vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc Tr có quan hệ là thông gia nên vào khoảng tháng 4 năm 2012 bà X có cho bà Nguyễn Thị Ngọc Tr vay số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng. Do quen biết gần gũi nên việc vay mượn tiền chỉ bằng lời nói, không lập giấy tờ, không có thế chấp tài sản, cũng không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Khi bà X cần lấy lại tiền đã nhiều lần đến đòi, nhưng vợ chồng bà Tr, ông N không trả. Từ năm 2012 đến năm 2018 bà Tr chỉ trả được cho bà X số tiền là 180.000.000 (Một trăm tám mươi triệu) đồng tiền vốn, từ thời gian đó đến nay thì ngưng luôn. Trong quá trình vay, bên vợ chồng bà Tr, ông N không có trả lãi.

Nay bà X khởi kiện yêu cầu bà Tr và ông N cùng có trách nhiệm trả số nợ còn thiếu là 820.000.000(tám trăm hai mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Tr, ông Nguyễn Văn N đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà Tr, ông N vẫn vắng mặt không lý do. Nên bà Tr, ông N không có bản tự khai, không có ý kiến gì về số nợ mà bà X khởi kiện. Do đó Tòa án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án theo qui định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

-Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là quan hệ “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, do các đương sự thực hiện Hợp đồng vay tài sản từ năm 2012 nên căn cứ theo qui định các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

Do bị đơn đang cư trú tại Quận 8 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thời hạn tố tụng: Thẩm phán vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ: Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn thiếu là 820.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi. Căn cứ đơn khởi kiện, biên bản hòa giải ngày 13/11/2018, chứng cứ thu thập và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa. Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh X, xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Do bị đơn cư ngụ tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Tr, ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3].Về yêu cầu của đương sự:

[3.1].Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà X yêu cầu vợ chồng bà Tr, ông N phải trả số tiền nợ còn thiếu là 820.000.000 (Tám trăm hai mươi triệu) đồng, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3.2].Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, mặc dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Tr, ông N nhưng cả hai đều vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Tại “Biên bản hòa giải” lập ngày 13/11/2018 của Ủy ban nhân dân xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh có thể hiện nội dung như sau: “*Ý kiến của bà Tr: lúc bà X đưa tôi 1.000.000.000đồng tôi đưa cho người khác và có đóng tiền lời, tôi xác nhận đã trả được 180 triệu (mỗi tháng đóng 40 triệu)...*”. Từ lời thừa nhận trên của bà Tr, nên mặc dù bị đơn không đến Tòa nhưng căn cứ vào chính nội dung đây đã đủ cơ sở xác định việc bà X cho bà Tr vay tiền là có thật, giữa hai bên không có xác lập hợp đồng vay, với số tiền vay là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, bà Tr có trả được 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng. Nguyên đơn cũng thừa nhận là đúng, như vậy số nợ vốn còn lại là 820.000.000.000 (Tám trăm hai mươi triệu) đồng. Từ thời điểm đó đến nay vợ chồng bà Tr, ông N không trả hết số tiền còn lại khi bà X có yêu cầu điều này là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Từ đó, việc bà X khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Tr, ông N phải trả số tiền vốn còn nợ là 820.000.000 (Tám trăm hai mươi triệu) đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về thời hạn thanh toán và tiền lãi:

Bà X yêu cầu thanh toán số tiền nợ 820.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi. Việc không yêu cầu tính lãi là sự tự nguyện của bà X nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn bà X được chấp nhận nên bị đơn bà Tr, ông N phải chịu án phí trên số tiền phải trả là 820.000.000 đồng = 36.000.000 đồng + (3% x 20.000.000 đồng) = 36.600.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 25 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Tr cùng ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh X số tiền: 820.000.000 (tám trăm hai mươi triệu) đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Tr, ông N cùng phải chịu án phí là 36.600.000 (Ba mươi sáu triệu sáu trăm ngàn) đồng.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thanh X số tiền 18.300.000 đồng theo biên lai thu số 0018816 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Nga